

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-PT

Ngày 27/02/2025

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**.

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Diệu**.

Bà **Phạm Thị Anh Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Mai Ngọc Khương** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Bà **Huỳnh Thị Hồng Yến** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh
Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm số:
62/2024/TLPT-DS ngày 07/10/2024, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất;
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐ-PT ngày 11/02/2024,
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trịnh Văn K**, sinh năm: 1983; (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Văn K1: Ông **Phan Xuân N**, sinh
năm: 1957; (Giấy ủy quyền chứng thực ngày 24/10/2024); (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Ú**, sinh năm: 1950; (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ú: Ông Lê Minh T, sinh năm: 1980; (Giấy ủy quyền chứng thực ngày 27/11/2023). (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Thị M, sinh năm: 1968; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Ông Trịnh Văn T1, sinh năm: 1969; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm: 1980; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
4. Bà Trịnh Thị M1, sinh năm: 1986; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà gồm bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn T1, bà Trịnh Thị Đ, bà Trịnh Thị M1: Ông Phan Xuân N, sinh năm: 1957; (Giấy ủy quyền chứng thực ngày 24/10/2024). (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

5. Ông Lê Văn P, sinh năm 1967; (Vắng mặt)
6. Ông Lê Văn V, sinh năm 1970; (Vắng mặt)
7. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1978; (Vắng mặt)
8. Ông Lê Minh T, sinh năm 1980; (Có mặt)
9. Bà Lê Thị H, sinh năm 1982; (Vắng mặt)
10. Ông Lê Đức T2, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Văn K1; những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà: Trịnh Thị M; Trịnh Thị M1; Trịnh Thị Đ; Trịnh Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2023 trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông Trịnh Văn K1 trình bày:

Thửa đất khu vực thôn Đ, xã P, huyện B có nguồn gốc do ông Trịnh N2 (ông nội của ông Trịnh Văn K1) và ông Trịnh T3 (cha ông Khen) khai hoang năm 1979 để canh tác trồng bắp và bobo, diện tích khoảng 35.000m², sau khi ông Trịnh N2 chết. Ông Trịnh T3 được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây ghi tắt là GCNQSDĐ) số S117779 ngày 22/10/2004 – nay là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 96, diện tích 17.425m². Phần diện tích đất còn lại chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ gia đình ông K1 vẫn canh tác và sử dụng ổn định, đến năm 2011 bà Trần Thị Ú đến tranh chấp chôn trụ làm hàng rào kẽm gai lấn chiếm 1/2 diện tích đất, gia đình ông đã làm đơn đến UBND xã P giải quyết nhiều lần không thành. Trong quá trình hòa giải tại xã P, bà Trần Thị Ú đã cung cấp 01 GCNQSDĐ do UBND huyện B cấp số DD 871768 ngày 09/02/2023, tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 96, diện tích 5.822,8m² ở khu vực thôn Đ, xã P, huyện B.

Ngày 31/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Bác Ái tiến hành xem xét thẩm định bổ sung thửa đất số 4, tờ bản đồ số 96, kết quả đo đạc của Văn phòng Đ1 – Chi nhánh B, diện tích đất thực tế là 31.762,2m² (trong đó 17.425m² đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ), nhưng ông K1 không đồng ý và cho rằng diện tích đất ông Trịnh N2 khai hoang trước đây còn bao gồm cả phần diện tích đất của bà Trần Thị Ú đã được cấp GCNQSDĐ, ông K1 yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà Ú, buộc bà Ú phải trả lại cho gia đình ông toàn bộ diện tích đã lấn chiếm tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 96, tọa lạc tại thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Minh T trình bày:

Năm 1992, bà Trần Thị Ú được Hợp tác xã thôn A, xã X, huyện N cấp cho khoảng 5.000m² đất để canh tác sản xuất, diện tích đất đã được đăng ký trong Sổ địa chính của xã P. Sau đó, bà Ú được cấp GCNQSDĐ số DD 871768 ngày 09/02/2023, tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 96, diện tích 5.822,8m² ở khu vực thôn Đ, xã P, huyện B. Tháng 6/2023, gia đình ông T thuê máy vào cày đất thì ông Trịnh Văn K1 và người nhà ra cản trở không cho gia đình ông T cày đất.

Ngày 22/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Bác Ái xem xét thẩm định thửa đất số 31, tờ bản đồ số 96, diện tích 5.822,8m² theo 01 GCNQSDĐ số DD 871768 ngày 09/2/2023 của bà Trần Thị Ú (diện tích đo đạc thực tế 5.662,5m²). Thửa đất này nằm ngoài diện tích đất ông Trịnh N2 và ông Trịnh T3 khai đã hoang trước đất – nay là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 96, diện tích 31.484m² (trong đó 17.425m²

đã được cấp GCNQSDĐ) và đã được cập nhật trong bản đồ địa chính của xã P. Theo kết quả đo đạc ngày 31/5/2024, diện tích đất thực tế là 31.762,6m². Như vậy, diện tích đất thực tế vẫn nhiều hơn diện tích đất gia đình ông K1 đã đăng ký trong Sổ địa chính của xã P. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trịnh Văn K1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 30-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ:

Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170 của Luật Đất đai; Điều 106, Điều 175 và Điều 203 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K1.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản, nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự đối với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

+ Đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị M1, bà Trịnh Thị Đ, ông Trịnh Văn T1, trong thời hạn kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bỏ sót người tham gia tố tụng là các con của bà Trần Thị Ú (quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng bà Ú, chồng bà Ú đã chết); Bản

án sơ thẩm cũng chưa làm rõ ranh giới cũng như một phần diện tích đất ông K1 đang tranh chấp với bà Ú thì ông H1 đã đăng ký được quy chủ. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục những vi phạm về tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

+ Cụ Trịnh N2 không có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất hơn 35.000m² như phía nguyên đơn khởi kiện. Thời điểm cụ Trịnh N2 còn sống thì ông Trịnh T3, con của cụ Trịnh N2 đăng ký, kê khai và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S117779 ngày 22/10/2004, diện tích 17.425m².

+ Diện tích đất bà Trần Thị Ú được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 871768 ngày 09/02/2023 diện tích 5.822,8m² không nằm trong ranh giới đất do ông Trịnh Văn K1 cũng như người đại diện hợp pháp của ông K1 chỉ mốc giới để xác định diện tích tranh chấp tại Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn K1 là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trịnh Văn K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn T1, bà Trịnh Thị Đ, bà Trịnh Thị M1 trong thời hạn kháng cáo; các đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo hợp pháp được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết. Phạm vi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.2] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[2] Các đương sự tranh luận:

[2.1] Người đại diện hợp pháp của những người kháng cáo tranh luận: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn cho rằng cụ Trịnh N2 và Trịnh T3 khai hoang đất hơn 35.000m² nhưng chỉ mới kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S117779 ngày 22/10/2004 – nay là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 96, diện tích 17.425m² đứng tên ông Trịnh T3 (cha của ông

Trịnh Văn K1). Phần diện tích đất còn lại chưa được Nhà nước cấp GCNQSDĐ nhưng gia đình ông K1 vẫn canh tác và sử dụng ổn định, đến năm 2011 bà Trần Thị Ú đến tranh chấp chôn trụ làm hàng rào kẽm gai lấn chiếm 1/2 diện tích đất. Căn cứ khởi kiện là giấy ủy quyền ngày 18/6/2010.

[2.2] Bị đơn tranh luận: Người đại diện hợp pháp của bà Trịnh Thị Ú1 cho rằng nguồn gốc thửa đất bà được cấp giấy chứng nhận là của Nông trường Thành Sơn, sau này giao lại cho UBND xã X quản lý, cấp cho hộ gia đình bà Ú1 (thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì địa phận thuộc huyện B). Ông Trịnh Văn K1 cho rằng bà Ú1 lấn chiếm đất là không có căn cứ; trên diện tích đất bà Ú1 được cấp giấy chứng nhận không có ao nước của ông Trịnh K1 như phía nguyên đơn trình bày.

[3] Xét nội dung kháng cáo

[3.1] Nguyên đơn ông Trịnh Văn K1 tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 5.822,8m² thuộc thửa đất số 31 tờ bản đồ số 96, thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho bị đơn hộ bà Trần Thị Ú số bìa DD 871768 ngày 09/02/2023; nguyên đơn có yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện B cấp cho hộ bà Ú. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của bà Ú là: Ông Lê Văn P, Lê Văn V, Lê Thị N1, Lê Minh T, Lê Thị H, Lê Đức T2 cũng như không đưa UBND huyện B vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Giai đoạn xét xử phúc thẩm, các con của bà Ú cũng như đại diện hợp pháp của UBND huyện B không khiếu nại các vi phạm tố tụng nêu trên nên Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm.

[3.2] Công văn số 68/UBND-KT ngày 03/7/2024, của UBND xã P, huyện B, cung cấp thông tin: Hộ ông Trịnh T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa S 117779, ngày 22/10/2004, diện tích 17.425m², trong đó có 7.679m² đất thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 93 và có 31.484m² đất thuộc thửa đất số 04 tờ bản đồ số 96. Theo sổ mục kê của xã P thì diện tích 7.679m² đất thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 93 đứng tên kê khai chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn H1, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tình tiết này là thiếu sót. Giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Trịnh Văn K1 không tranh chấp diện tích đất 7.679m² và không khiếu nại liên quan đến việc quy chủ cho ông Nguyễn Văn H1 nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3.3] Xét chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất:

[3.3.1] Ông Trịnh Văn K1 cho rằng ông nội của ông là cụ Trịnh N2 và cha của ông là cụ Trịnh T3 khai hoang tổng diện tích khoảng 35.000m², ranh giới bao gồm cả phần diện tích đất 5.822,8m² hộ bà Trần Thị Ú được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích đất khoảng 35.000m², sau khi cụ Trịnh N2 chết thì cụ Trịnh T3 đăng ký kê khai và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 17.425m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa S 117779, ngày 22/10/2004 thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ trích đo. Giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm, ông Trịnh Văn K1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khai hoang; diện tích hộ cụ Trịnh T3 đăng ký, kê khai được cấp giấy chứng nhận là 17.425m² nên ông Trịnh Văn K1 cho rằng phần diện tích của hộ bà Trần Thị Ú thuộc phạm vi, diện tích đất khai hoang 35.000m² là không có căn cứ. Sơ đồ trích đo vị trí lô đất kèm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hướng bắc giáp rẫy ông Lê Văn S, nam giáp rẫy ông Võ L, đông giáp rẫy bà Nguyễn Thị T4, tây giáp hành lang phi trường Thành Sơn; như vậy không có thửa đất của hộ bà Ú tiếp giáp ranh giới của cụ Trịnh T3 nên không thể cho rằng bà Ú lấn chiếm đất của cụ Trịnh T3. Người kháng cáo cho rằng giấy ủy quyền ngày 18/6/2010, cụ Trịnh T3 ủy quyền cho ông Trịnh Văn K1 là một trong những loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng 35.000m². Xét thấy: Nội dung giấy ủy quyền cụ Trịnh T3 ủy quyền cho ông Trịnh Văn K1 thay mặt cụ T3 thực hiện thủ tục, cung cấp hồ sơ, giấy tờ khi có quyết định bồi thường đất khi Công ty L1 thi công có “trúng” vào rẫy của cụ T3 nên không có giá trị pháp lý để chứng minh quyền sử dụng đất vì không có sổ thửa, tờ bản đồ, ranh giới cũng như tứ cận của thửa đất.

[3.3.2] Tòa án cấp phúc thẩm ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định lại ranh giới đất tranh chấp, ông Trịnh Văn K1 xác định, chỉ đo ranh giới thửa đất cụ Trịnh T3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là: $21.513\text{m}^2 + 1.110,4\text{m}^2 = 22.613,4\text{m}^2$ chênh lệch nhiều hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận là 5.188m² (không bao gồm phần diện tích hộ bà Trần Thị Ú được cấp giấy chứng nhận cũng như phần diện tích bị thu hồi làm đường tỉnh lộ 705). Do đó, phần diện tích đất hộ bà Trần Thị Ú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi, ranh giới cũng như diện tích đất của cụ Trịnh T3.

[3.3.3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị Ú đúng ranh giới, đúng đối tượng và quy trình, không lấn chiếm, không xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của người khác nên ông Trịnh Văn

K1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp cho hộ bà Trần Thị Ú là không có căn cứ.

[3.3.4] Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm thấy rằng nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Kiểm sát viên – VKSND tỉnh Ninh Thuận đề nghị bác toàn bộ kháng cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận; bác toàn bộ kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của người kháng cáo không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 308 khoản 1, Điều 148 khoản 1, Điều 313 khoản 6 của BLTTDS;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn K1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn T1, bà Trịnh Thị Đ, bà Trịnh Thị M1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 04/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận kể cả phần án phí và nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng.

2. Nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm:

- Ông Trịnh Văn K1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001933 ngày 09 tháng 8 năm 2024, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bác Ái.

- Bà Trịnh Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001934 ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bác Ái.

- Ông Trịnh Văn T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001937 ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bác Ái.

- Bà Trịnh Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001936 ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Ái.

- Bà Trịnh Thị M1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001935 ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Ái.

Các ông, bà Trịnh Văn K1, Trịnh Văn T1, Trịnh Thị M, Trịnh Thị Đ, Trịnh Thị M1, đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (27/02/2025)/.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Ái;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên